

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LAGI
TỈNH B THUẬN**

Bản án số: **04/2019/DS-ST**

Ngày: 08/4/2019

V/v: "Tranh chấp dân sự hợp đồng
vay tài sản".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH B THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thành, bà Vũ Thị Minh Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh B Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2018/TLST-DS ngày 13/9/2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 12/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn Gò Đ, xã Tân T, huyện Hàm T, tỉnh B Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu phố x, phường Tân A, thị xã L, tỉnh B Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn Cam B, xã Tân P, thị xã L, tỉnh B Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1967; (vắng mặt) Địa chỉ: Thôn Gò Đ, xã Tân T, huyện Hàm T, tỉnh B Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C là giáo viên dạy cùng trường Tiểu học Tân T 1, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận. Ngày 10/01/2017 B cho bà C vay số tiền 150.000.000đ thỏa thuận thời hạn vay 1 năm, lãi suất 4.400.000đ/150 triệu/ tháng, đến ngày 20/3/2017 bà B tiếp tục cho bà C vay số tiền 50.000.000đ thỏa thuận lãi 1.500.000đ/50.000.000đ/ tháng. Bà C vay

với mục đích kinh doanh, hai bên có lập giấy vay mượn do bà Nguyễn Thị Mỹ C trực tiếp viết và ký tên.

Quá trình cho vay, bà C đã trả cho bà B tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng từ ngày 10/01/2017 đến ngày 10/4/2017, sau đó không trả lãi nữa. Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà C không trả lãi theo thỏa thuận nên bà B yêu cầu bà C trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, không tính lãi suất. Bà C đã góp được cho bà Bình số tiền là 33.000.000 đồng trừ vào nợ gốc.

Đến hạn trả nợ ngày 10/01/2018 và ngày 20/3/2018, bà C không trả nợ lãi và nợ gốc, cố tình trốn tránh trách nhiệm nên bà B khởi kiện. Bà B yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ C trả cho bà nợ gốc là 167.000.000 đồng và tiền lãi của số nợ 150.000.000 đồng của 16 tháng (4.400.000 đồng/tháng) là 70.400.000 đồng. Tổng cộng là 237.400.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bà B chỉ giao dịch với cá nhân bà C nên bà B yêu cầu cá nhân bà C trả nợ cho vợ chồng bà B - ông H.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bổ sung yêu cầu thời gian tính lãi số tiền 150 triệu từ ngày 10/4/2017 đến ngày xét xử 08/4/2019 và rút lại một phần yêu cầu về lãi, chỉ yêu cầu tính theo mức lãi suất qui định của Bộ luật dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

Bị đơn Nguyễn Thị Mỹ C thừa nhận có quen biết và vay tiền nhiều lần của vợ chồng nguyên đơn từ nhiều năm trước, năm 2018 bà còn nợ lại 02 khoản gồm 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng. Thời gian vay tiền đã lâu bà C không nhớ rõ, nhưng bà đồng ý theo trình bày của nguyên đơn và thừa nhận có ký giấy vay cho nguyên đơn. Về lãi suất hai bên thỏa thuận 4.400.000đ/150 triệu/tháng và 1.500.000đ/50.000.000đ/ tháng, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Cứ hết 01 năm thì bà B lại yêu cầu bà C viết lại giấy nợ cho bà B. Thời gian qua, bà C đã góp cho bà B được 33.000.000 đồng nay còn nợ bà B tiền gốc là 167.000.000 đồng, bà C đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn, nên bà xin không trả lãi.

Bà C thừa nhận cá nhân bà có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H trình bày:

Ông đồng ý những lời trình bày của vợ là bà Nguyễn Thị Thanh B, tiền cho bà C vay là tiền chung của vợ chồng ông. Ông H cũng thống nhất với ý kiến của bà B, yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ C có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông bà số tiền nợ như đã thỏa thuận là 237.400.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng). Ông H có đơn xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý

vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp qui định của pháp luật, cần được chấp nhận. Yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, bị đơn thừa nhận số nợ gốc, việc bị đơn cho rằng thỏa thuận trả góp không tính lãi không có chứng cứ chứng minh.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi theo quy định pháp luật, khoản lãi đã nhận vượt quá mức lãi qui định sẽ được khấu trừ vào gốc cho phù hợp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên tranh luận và đại diện VKS phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền vay, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] *Về tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung*: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn trả số nợ gốc và lãi là 237.400.000 đồng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 02 giấy kê nợ lập ngày 10/01/2017 và 20/3/2017, bị đơn thừa nhận nội dung ghi trong giấy, chữ ký trên giấy do bị đơn ký nhận, trong giấy ghi nợ đều thể hiện về thời hạn trả nợ. Việc bị đơn cho rằng không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và bị đơn xin không trả lãi cho nguyên đơn không được vợ chồng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền chấp nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc 167 triệu, Từ những chứng cứ hai bên thừa nhận thấy rằng, bà C có nợ vợ chồng nguyên đơn khoản tiền như nguyên đơn yêu cầu, quá trình vay bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo qui định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về lãi suất, hai bên đã thỏa thuận trong giấy ghi nợ là 4.400.000đồng/tháng đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng và nguyên đơn đã nhận 3 tháng tiền lãi (là 13.200.000đ). Xét thấy tiền lãi theo thỏa thuận của các bên vượt quá qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, do vậy cần xem xét tính lãi cho phù hợp.

*Từ ngày 10/01/2017 đến ngày 10/4/2017 Lãi theo qui định:

$150.000.000đ \times 1.67\% \times 3 \text{ tháng} = 7.515.000đ.$

Đã nhận 13.200.000đ như vậy vượt quá qui định là 5.685.000đ, số tiền vượt quá này trừ vào nợ gốc: $150.000.000đ - 5.685.000đ = 144.315.000đ$

*Từ ngày 10/4/2017 đến ngày 08/4/2019 là 23 tháng 28 ngày:

$144.315.000đ \times 1.67\% \times 23 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 57.681.000đ$

Như vậy, số tiền lãi bà C phải trả vợ chồng nguyên đơn là **57.681.000đ**

[4] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc 167.000.000đ và lãi 70.400.000đ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi là 12.719.000đ, đây là sự tự nguyện phù hợp qui định của pháp luật tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS, Hội đồng xử án sẽ ghi nhận.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 224.681.000đ (hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi một ngàn đồng) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh B và ông Hoàng Văn H, trong đó gồm: 167.000.000đ nợ gốc và 57.681.000đ đồng tiền lãi.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi nợ số tiền 12.719.000đ của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh B đối với bị đơn Nguyễn Thị Mỹ C.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu số tiền 11.234.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Thanh B tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.935.000đ theo biên lai số 0021918 ngày 06/9/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

4. Đối với số tiền phải thi hành án nêu trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hoa Nga

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH B THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 10 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh B Thuận.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Hải, bà Vũ Thị Minh Huệ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/TLST-DS ngày 04/4/2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: .../2018/QĐXXST-DS ngày/...../2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc Long**, sinh năm: 1967 và bà **Trần Thị Dung**, sinh năm: 1967

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường B Tân, thị xã La Gi, B Thuận

2. Bị đơn: Ông **Hồ Văn Nhơn**, sinh năm: 1968 và bà **Phạm Thị Dân**, sinh năm: 1969

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường B Tân thị xã La Gi, B Thuận

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1/ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ý kiến HTND Huệ: nguyên đơn rút một phần yêu cầu 46.200.000đ sẽ chấp nhận ý kiến nguyên đơn.

Nguyên đơn có chứng cứ là các giấy mượn tiền, được bị đơn thừa nhận, số nợ v/c bị đơn chấp nhận còn chưa trả theo lời khai là 2.095.800.000đ, số này buộc trả.

Số nợ không chấp nhận là 657.000.000đ nhưng vc bị đơn không chứng minh được là không có nợ, trong khi chữ viết trong chứng cứ đã thừa nhận, buộc hai v/c bị đơn trả nợ 657.000.000đ là có căn cứ.

Ý kiến HTND Hải: buộc vợ chồng ông nhơn bà Dân trả nợ theo số nợ đã thừa nhận, buộc trả cả số tiền 657 triệu vì chứng cứ của nguyên đơn thuyết phục.

Án phí bị đơn phải chịu.

Chủ tọa PT: Thống nhất ý kiến hai HTND.

Biểu quyết: 3/3

2. *Điều luật áp dụng:* - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 **Điều 227, khoản 1 Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Ngọc Long và bà Trần Thị Dung.

Buộc vợ chồng ông Hồ Văn Nhơn và bà Phạm Thị Dân phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền **3.058.800.000đ**, (ba tỷ không trăm năm mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Ngọc Long và bà Trần Thị Dung.

Biểu quyết: 3/3

2. *Về án phí:* Vợ chồng ông Hồ Văn Nhơn và bà Phạm Thị Dân phải chịu số tiềnđồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc Long và bà Trần Thị Dung số tiền
.....đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số
..... ngàycủa Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Biểu quyết: 3/3

4/ Về các vấn đề khác:

Đối với số tiền phải thi hành án nêu trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tỷ lệ ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HTND

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA